TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QV** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 3 năm 2023
V/v "Tr/c Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

-Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị L

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Thế S

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị H - Thư ký TAND huyện QV

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện QV, tỉnh BN tham gia phiên tòa*: Ông Đặng Thanh M– Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QV, tỉnh BN mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" thụ lý số 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lưu Thị T, sinh năm 2001 (Vắng mặt)

STQ: Thôn B, xã BD, huyện GB, tỉnh BN

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thế N, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

STQ: Thôn ĐC, xã NH, huyện QV, tỉnh BN

- *Người có quyền lợi và N vụ L quan*: Không

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Lưu Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thế N được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương ngày 27/2/2022. Trước khi cưới, anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã BD, huyện GB cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng về quan điểm sống, cách sống, dẫn đến đời sống hôn nhân không có hạnh phúc. Sau nhiều lần xảy ra mâu thuẫn giữa chị với anh N và gia đình anh N nên chị đã về nhà đẻ sinh sống từ khoảng tháng 4/2022 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị có sinh con nhưng anh N và gia đình bên chồng không hỏi han, thăm nom tới chị và con chung giữa chị và anh N. Nay chị nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thế N.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, vợ chồng chị có sinh được 01 con chung là Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/10/2022. Hiện con chung đang do chị trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết, chị đề nghị anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết tại Toà án, anh Nguyễn Thế N trình bày:

Anh và chị Lưu Thị T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương ngày 18/02/2022. Trước khi cưới, anh chị được tự nguyện tìm hiểu và được UBND xã BD, huyện GB cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường. Khi kết hôn, chị T đã có thai được khoảng 2 tháng. Hai vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh và không hề phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 9/2022, chị T tự ý bỏ về nhà đẻ ở và sinh con ở đó. Trước khi về nhà đẻ, chị T không hề nói chuyện với anh và bố mẹ anh. Cũng từ tháng 9/2022 cho đến nay, vợ chồng anh sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, cả hai bên đều không có biện pháp về đoàn tụ và anh cũng ít đến thăm con. Nay chị T giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn, bản thân anh cũng nhận thấy không thể hàn gắn được nữa nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Tuy nhiên, theo anh do vấn đề công việc của anh nên không thể ly hôn lúc này mà anh sẽ thuận tình ly hôn với chị T trong thời gian từ 01 đến 02 tháng tới.

- *Về con chung*: Vợ chồng sinh được 01 con chung là Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/10/2022. Hiện con chung đang ở với chị T. Khi ly hôn, do cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nên anh đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và anh có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 14/02/2023, các bên đã thống nhất, thoả thuận được những nội dung sau:

Về con chung: Chị T và anh N xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/10/2022. Khi ly hôn, anh N và chị T thỏa thuận tiếp tục giao con chung cho chị Lưu Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Cấp dưỡng

nuôi con anh N có trách nhiệm đóng góp hàng tháng là 3.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị đều xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên về quan hệ vợ chồng, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý nhưng với điều kiện về thời gian là 01 đến 02 tháng mới giải quyết thuận tình ly hôn.

Đại diện VKSND huyện QV tham gia phiên toà nhận xét:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai bằng lời nói và L tục.

Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và N vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điều 147, 186, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51,56, 58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Lưu Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thế N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/10/2022 cho chị Lưu Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 3.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Anh Nguyễn Thế N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt và chị Lưu Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Lưu Thị T và anh Nguyễn Thế N tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, được UBND xã BD, huyện GB cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/03/2022 theo quy định của

pháp luật nên cần xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh N là hợp pháp. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng nhau hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, từ tháng 9/2022, chị T về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, mặc dù chị T sinh con chung với anh N nhưng không nhận được sự quan tâm, chăm sóc của anh N và gia đình anh N.

Nay cả chị T và anh N đều nhận thấy cả hai bên đều không có biện pháp đoàn tụ và cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên đồng ý thuận thuận tình ly hôn. Mặc dù anh N đồng ý ly hôn nhưng có ra điều kiện là phải chờ từ 01 đến 02 tháng sau mới thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết, anh N không cung cấp được căn cứ, lý do phải chờ từ 01 đến 02 tháng mới đồng ý thuận tình ly hôn nên không có cơ sở để Tòa án chấp nhận.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã được chị T và anh N xác nhận là có thật trên thực tế, hiện vợ chồng đang sống ly thân và không còn khả năng đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh N xác nhận trong thời gian chung sống, anh chị đã sinh được 01 con chung là Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/10/2022. Hiện cháu Nhân đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, anh N và chị T đều xác định khi ly hôn thỏa thuận, thống nhất giao cháu Nhân cho chị T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh N đồng ý với yêu cầu của chị T là sẽ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Xét thỏa thuận của anh chị về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng con chung là tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh N và chị T đều xác nhận không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Án phí:* Chị Lưu Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51,56,58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị Lưu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế N.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thiện Nhân, sinh ngày 23/10/2022 cho chị Lưu Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật và không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức:* Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí:* Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0006635 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện QV, tỉnh BN.

Anh Nguyễn Thế N phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh BN;*
- *VKS tỉnh BN;*
- *VKS huyện QV;*
- *Thi hành án DS huyện;*
- *Những người TGTT;*
- *Lưu HS- VP;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị L